TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-ST
Ngày 16 tháng 11 năm 2018
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi; Ông Y Đo Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 48/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N. Trụ sở: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình D – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 55, đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Ngọc T – Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng huyện M. Theo văn bản ủy quyền số: 123/NHNo-UQ ngày 16/11/2018. Có mặt.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Trần Văn T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bà H vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1947. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2018 và các lời khai của người đại diện cho nguyên đơn trình bày:*

Ngày 13/5/2016 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M (viết tắt là Ngân hàng)

ký kết hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201600954 cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Trần Thị H vay số tiền 450.000.000đồng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.115m^2 đã được UBND huyện M'Đrắk cấp GCNQSDĐ số BA-474471 ngày 14/4/2011 cho ông T, bà H (Hợp đồng thế chấp số K71/2016/HĐTC) và quyền sử dụng đất đối với diện tích 11.060m^2 đã được UBND huyện M'Đrắk cấp GCNQSDĐ số O-376712 ngày 04/12/1998 cho hộ bà Trần Thị T (Hợp đồng thế chấp số K72/2016/HĐTC). Thời hạn trả nợ ngày 12/5/2017. Lãi suất trong hạn 10.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Do vợ chồng ông T bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu buộc vợ chồng ông T bà H phải trả số tiền 606.646.875đồng (gồm 450.000.000đồng nợ gốc và 156.646.875đồng tiền lãi tính đến ngày 16/11/2018) theo hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201600954.

Từ ngày 17/11/2018 tiếp tục tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

Nếu vợ chồng ông T bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Pháp luật.

** Qua biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Ông T công nhận ngày 13/5/2016 ông T là người đại diện cho gia đình vay Ngân hàng 450.000.000đồng để chăm sóc mía, chăn nuôi và mua sắm vật dụng cho gia đình, khi vay gia đình thế chấp 3.115m^2 đất đã được UBND huyện M'Đrắk cấp GCNQSD số BA-474471 ngày 14/4/2011 cho ông T, bà H và tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4 diện tích 120m^2; Quyền sử dụng 11.060m^2 đất đã được UBND huyện M'Đrắk cấp GCNQSDĐ số O-376712 ngày 04/12/1998 cho mẹ ông T là bà Trần Thị T, bà T ủy quyền cho ông T ký kết hợp đồng tín dụng. Do làm ăn thua lỗ nên ông T bà H chưa trả được tiền vay và lãi phát sinh cho ngân hàng.

* Tòa án đã tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T theo quy định của Pháp luật, nhưng bà H, bà T không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

***** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Bị đơn ông T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà H không có mặt tại nơi cư trú, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T từ chối làm việc và không ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên việc Tòa án niêm yết văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[**1**] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại: thôn 10, xã EaPil, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn ông T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[**2**] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận ngày 13/5/2016 đã thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201600954, ông T là đại diện cho gia đình vay Ngân hàng 450.000.000đồng. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bên vay thế chấp quyền sử dụng đất. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bên vay không thực hiện đúng với nội dung hợp đồng đã cam kết. Do đó, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở, bị đơn cũng đã thừa nhận. Nên HĐXX căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự để buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng đối với nguyên đơn.

[2.2] Đối với khoản tiền mà Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông T bà H phải trả bao gồm tiền gốc cho vay 450.000.000đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/11/2018 là 156.646.875đồng. Xét yêu cầu của ngân hàng đối với khoản tiền cho vay cũng như tiền lãi phát sinh là phù hợp với nội dung hợp đồng mà hai bên đã cam kết. Do vậy cần buộc vợ chồng ông T bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh (tính đến ngày 16/11/2018) là 606.646.875đồng, theo hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201600954 ngày 13/5/2016.

[2.3] Ông T là người ký hợp đồng tín dụng vay vốn nhưng ông T và bà H là vợ chồng, bà H đã ủy quyền cho ông T ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, mục đích vay vốn là để sử dụng chung cho việc phát triển kinh tế của gia đình, nên ông T và bà H cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Kể từ ngày 17/11/2018 ông T, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.5] Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 3.115m^2 đã được UBND huyện M'Đrắk cấp GCNQSDĐ số BA-474471 ngày 14/4/2011 cho ông T, bà H và tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4 diện tích 120m^2; Quyền sử dụng đất diện tích 11.060m^2 đã được UBND huyện M'Đrắk cấp GCNQSDĐ số O-376712 ngày 04/12/1998 cho hộ bà Trần Thị T. Đây là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông T bà H và bà T, các bên xác nhận đã thế chấp nhằm bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, trong trường hợp vợ chồng ông T bà H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ.

[**3**] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông T bà H phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn (20.000.000đồng + 206.646.875đồng x 4%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 137; Điều 138, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc vợ chồng ông Trần Văn T bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng N 606.646.875đồng (gồm 450.000.000đồng nợ gốc, 156.646.875đồng tiền lãi), tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201600954 ngày 13/5/2016.

Kể từ ngày 17/11/2018 vợ chồng ông T bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có

thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp vợ chồng ông T bà H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- Bị đơn vợ chồng ông T bà H phải chịu 28.265.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk 13.239.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006070 ngày 26/6/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrắk.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-THADS huyện M'Đrắk;
-Đương sự;
-Lưu HS.

(Đã ký)

Võ Đức Hợi